

Số: 10/2023/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư  
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai,  
đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn  
2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;  
Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố  
trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo  
thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng  
Chương trình bố trí dân cư vùng: Thiên tai, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên  
địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2023 - 2025 theo Quyết định số 590/QĐ-TTg  
ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình

Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ;
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, ngập lụt, nước dâng;
- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn.
- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

b) Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo quyết định số 590/QĐ-TTg.

3. Phạm vi và đối tượng của Nghị quyết không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Ưu tiên bố trí, sắp xếp ổn định hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ cao về thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, ngập lụt, nước dâng) đến nơi định cư an toàn.

2. Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm hoặc theo giai đoạn. Địa bàn bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ phải bảo đảm phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương.

3. Phạm vi sắp xếp, bố trí dân cư: Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân đi ngoài tỉnh, cần thống nhất tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch.

4. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng đối tượng. Trong trường hợp có nhiều mức hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án khác nhau từ ngân sách nhà nước về làm nhà và sửa chữa nhà ở thì hộ gia đình, cá nhân lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

### **Điều 3. Nội dung cơ chế, chính sách hỗ trợ bố trí ổn định dân cư**

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có); san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

2. Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ cho xã, phường, thị trấn nhận địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thuộc đối tượng của Nghị quyết để thực hiện các việc: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại.

3. Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Nghị quyết

a) Điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ ổn định dân cư tập trung, xen ghép: Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ thuộc đối tượng áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này; có đơn xin tự nguyện được thực hiện bố trí ổn định dân cư; hoàn thành việc di dời đến nơi ở mới; có cam kết cư trú lâu dài tại nơi ở mới an toàn và được chính quyền địa phương xác nhận.

- Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ; có đơn xin tự nguyện được thực hiện bố trí ổn định dân cư tại chỗ; hoàn thành việc nâng cấp nhà ở, gia cố đất ở và có vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu; có cam kết cư trú lâu dài tại nơi ở và được chính quyền địa phương xác nhận; nhà ở được nâng cấp phải được đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng).

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ/lần kinh phí di chuyển người và tài sản cho các hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ cao về thiên tai, di cư tự do, sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng thực hiện bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép.

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng/hộ kinh phí để nâng cấp nhà ở, gia cố đất ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác thực hiện bố trí ổn định dân cư tại chỗ, chỉ hỗ trợ 01 (một) lần trên hộ.

c) Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) khi đã hoàn thành việc di dời đến nơi ở mới an toàn; nâng cấp nhà ở, gia cố đất ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

**Điều 5.** Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 6.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khoá X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II;
- Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. /

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Huyền**